

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **151/2013/NĐ-CP**

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 8963 Ngày: 11/11

NGHỊ ĐỊNH

**Về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động
của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là Tổng công ty).

Tổng công ty là doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; được Nhà nước đầu tư vốn điều lệ và giao quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) chuyển giao.

Việc tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được áp dụng theo các quy định của Nghị định này, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Hình thức tổ chức hoạt động của Tổng công ty

Tổng công ty hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Đơn vị thuộc Tổng công ty” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu tổ chức của Tổng công ty;

b) “Công ty con của Tổng công ty” là công ty do Tổng công ty thành lập và nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (không bao gồm các doanh nghiệp tiếp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này);

c) “Công ty liên kết của Tổng công ty” là công ty có vốn góp của Tổng công ty ngoài các công ty nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều này (bao gồm cả các doanh nghiệp tiếp nhận);

d) “Người đại diện” là người được Tổng công ty cử, uỷ quyền làm đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp, thay mặt Tổng công ty thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh tại doanh nghiệp;

đ) “Bán vốn nhà nước” là việc Tổng công ty bán bớt hoặc bán hết cổ phần hoặc vốn góp tại các doanh nghiệp do Tổng công ty tiếp nhận và đầu tư.

2. Các từ ngữ khác trong Nghị định này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó. Danh từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật Việt Nam.

Điều 4. Chức năng, nhiệm vụ của Tổng công ty

1. Tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và phần vốn do Tổng công ty tiếp nhận và trực tiếp đầu tư.

3. Tiếp tục thực hiện các hoạt động sắp xếp, cổ phần hoá, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành.

4. Đầu tư vốn vào các tập đoàn, tổng công ty, hoặc công ty mẹ hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề nhà nước nắm giữ quyền chi phối.

5. Đầu tư vốn vào các dự án theo chỉ định của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

6. Đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của pháp luật.

7. Cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn quản trị doanh nghiệp, tư vấn chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ liên quan đến Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

9. Các nhiệm vụ khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty

Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành của Tổng công ty thực hiện theo quy định của pháp luật.

Hội đồng thành viên của Tổng công ty có 7 người. Chủ tịch Hội đồng thành viên và thành viên của Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc không chuyên trách.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty

1. Quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư và vốn nhà nước tại các doanh nghiệp được giao quản lý.

2. Báo cáo Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước được giao quản lý.

3. Báo cáo Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm.

4. Lựa chọn và quyết định lĩnh vực, hình thức đầu tư và kinh doanh vốn theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm hiệu quả, khả năng sinh lời và phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp thực hiện các nhiệm vụ đầu tư, kinh doanh vốn có mục tiêu chính trị - xã hội do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Tổng công ty phải tổ chức theo dõi để xác định rõ kết quả việc thực hiện những nhiệm vụ này để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét xử lý.

5. Góp vốn, tài sản với các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước để liên doanh, liên kết bằng các hình thức: Mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác, đầu tư thành lập doanh nghiệp mới, ký hợp đồng hợp tác kinh doanh; các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

6. Được quyền chủ động quyết định đầu tư thêm vốn, bán vốn tại các doanh nghiệp nhận chuyển giao từ các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động lựa chọn các hình thức bán vốn mà Tổng công ty đã tiếp nhận hoặc đầu tư tại các doanh nghiệp theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của Tổng công ty; được thỏa thuận mua lại cổ phần, vốn góp đã bán cho nhà đầu tư để đảm bảo các quyền và lợi ích của Nhà nước.

7. Nhận ủy thác các nguồn vốn đầu tư từ Nhà nước và các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.

8. Tổng công ty được thành lập, tham gia góp vốn thành lập công ty con, công ty liên kết (bao gồm cả các công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư).

9. Quyết định thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc trong và ngoài nước sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Cử, ủy quyền và đánh giá hoạt động của Người đại diện; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện; quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Người đại diện tại các doanh nghiệp được giao quản lý.

11. Giao nhiệm vụ cho Người đại diện quyết định những nội dung quy định tại Nghị định này.

12. Tham gia lựa chọn Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp thuộc đối tượng chuyển giao vốn về Tổng công ty.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Mục 1

TIẾP NHẬN QUYỀN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU

NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

Điều 7. Tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước về Tổng công ty

1. Tổng công ty thực hiện tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các loại hình doanh nghiệp sau (không bao gồm các doanh nghiệp chủ yếu làm nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, doanh nghiệp trực tiếp phục vụ quốc phòng an ninh và các trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho các cơ quan khác):

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên được chuyển đổi từ công ty nhà nước độc lập hoặc mới thành lập trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên được chuyển đổi từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Công ty liên doanh có vốn góp nhà nước do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm đại diện chủ sở hữu;

d) Công ty cổ phần được chuyển đổi từ các doanh nghiệp độc lập 100% vốn nhà nước hoặc mới thành lập trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

đ) Đối với các tập đoàn kinh tế, tổng công ty và các trường hợp khác, việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước cho Tổng công ty được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Tổng công ty có trách nhiệm phản ánh đầy đủ giá trị vốn nhà nước góp tại các doanh nghiệp đã nhận chuyển giao theo giá trị vốn được xác định tại Biên bản bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước giữa các bên.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều này cho Tổng công ty ngay sau khi các doanh nghiệp này hoàn thành cổ phần hóa hoặc chuyển đổi sang hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn.

4. Bộ Tài chính hướng dẫn việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp về Tổng công ty.

Điều 8. Xác định giá trị phần vốn nhận bàn giao

1. Tổng công ty có trách nhiệm thực hiện hoặc thuê các tổ chức có chức năng định giá xác định giá trị vốn nhà nước nhận bàn giao theo giá thị trường để làm căn cứ quản lý, giám sát, đánh giá hiệu quả quản lý vốn của Tổng công ty, trích thưởng thành tích theo quy định tại Nghị định này.

2. Việc xác định giá trị phần vốn nhà nước nhận bàn giao được thực hiện như sau:

a) Đối với các doanh nghiệp đã niêm yết và có giá giao dịch thành công để tham chiếu, xác định theo giá bình quân trong thời gian tối đa 03 tháng liền kề trước ngày nhận bàn giao.

b) Đối với doanh nghiệp còn lại, xác định theo giá trị vốn chủ sở hữu phản ánh trên Báo cáo tài chính lập tại thời điểm gần nhất với thời điểm nhận bàn giao.